



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0439/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
3. Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Hồ Thanh Long, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025
7. Thời gian phân tích : 18/03/2025 – 27/03/2025
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM


KS. ĐẶNG CÔNG HỮU


ThS. PHẠM DUY TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0439/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 250318001_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A C _{max} =C _x K _{qx} K _f	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
1	BOD ₅	mg/L	21	24,3	TCVN 6001-1: 2021
2	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	1,36	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
3	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	189	405	TCVN 6194:1996
4	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,2)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011
5	Tổng Nitơ*	mg/L	13,5	16,2	TCVN 6638:2000
6	Tổng phospho*	mg/L	1,32	3,2	SMEWW 4500-P. B&D:2023
7	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8	Florua (F ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,07)	4,05	SMEWW 4500-F ⁻ . B&D:2023
9	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,04	SMEWW 3113B:2023
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,04	SMEWW 3113B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,08	SMEWW 3113B :2023
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,04	SMEWW 3500-Cr: 2023
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,16	SMEWW 3500-Cr: 2023& SMEWW 3113B:2023
14	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,06)	1,6	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,03)	2,4	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	0,4	SMEWW 3111B:2023
17	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,16	SMEWW 3113B:2023
18	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	0,81	SMEWW 3500-Fe.B:2023
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN ⁻ . C &E:2023
20	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,004	TCVN 7877:2008

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại NBH: 02/05/2019

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0439/2503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A $C_{max}=C_xK_q \times K_f$	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
21	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,081	TCVN 6216:1996
22	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,8	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
23	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	15×10^2	3.000	SMEWW 9221B: 2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
 K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; $K_q = 0,9$, ứng với $Q \leq 50m^3/s$.
 K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; $K_f = 0,9$, ứng với $F > 5.000 m^3/24h$.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý (X=1201974 m, Y=598676 m, theo tọa độ VN 2000) – Nước ít cặn.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/3